

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 395/QĐ-UBND

Bình Giang, ngày 31 tháng 01 năm 2020

SỞ TƯ PHÁP TỈNH HẢI DƯƠNG

ĐẾN Số: 422
Ngày: 4/2/2020
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2019

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp, tại Tờ trình số 02 ngày 31 tháng 01 năm 2020 của phòng Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 15 xã và 01 thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2019.

(Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Huyện ủy, HĐND và UBND huyện, thành viên Hội đồng tiếp cận pháp luật huyện, Trưởng phòng Tư pháp huyện, Chủ tịch UBND các xã có tên tại Điều 1; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, ban ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

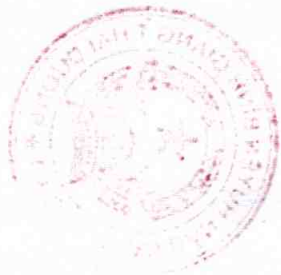
- Thường trực Huyện ủy;
- TTr HĐND, UBND huyện;
- Thành viên Hội đồng tiếp cận pháp luật;
- Chủ tịch UBND các xã, thị trấn;
- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; ban ngành đoàn thể liên quan;
- Lưu: VT-TH. ✓

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



**PHÓ CHỦ TỊCH
NHỮ HỒNG CHUYÊN**





DANH SÁCH CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT NĂM 2019
 (Kèm theo Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2020 của UBND huyện Bình Giang)

STT	Tên xã, phường, thị trấn	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Kết quả đánh giá sự hài lòng (%)
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	TT Kẻ Sặt	93.5	13.5	29	21	10	20	100%
2	Thúc Kháng	89	13	26	20.5	9.5	20	100%
3	Bình Minh	91	13.5	27	21	9.5	20	100%
4	Thái Dương	88.5	13	26	20	9.5	20	100%
5	Thái Hòa	95.5	14.5	29	22	10	20	100%
6	Thái Học	89.5	13	18	19.5	9	20	100%
7	Tân Hồng	90	13	26.5	21	9.5	20	100%
8	Bình Xuyên	96	14.5	29.5	22	10	20	100%
9	Nhân Quyền	95.5	14.5	29	22	10	20	100%
10	Cổ Bì	93.5	13.5	29	21	10	20	100%
11	Hồng Khê	90	13	26.5	21	9.5	20	100%
12	Tân Việt	92.5	12.5	29	21	10	20	100%
13	Long Xuyên	89	13	26	20.5	9.5	20	100%
14	Hùng Thắng	93.5	13.5	29	21	10	20	100%
15	Vĩnh Hưng	95.5	14.5	29	22	10	20	100%
16	Vĩnh Hồng	93	13	29	21	10	20	100%

